

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thu Thủy

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Văn Tuyên Đ, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Văn Tuyên Đ kết hôn với nhau từ năm 1994 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Đ ở thôn V, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh Đ mắc nghiện ma túy làm ảnh hưởng kinh tế gia đình. Chị có góp ý nhưng anh Đ không tiếp thu sửa chữa, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Anh Đ có

dùng bạo lực với chị. Mặt khác anh Đ nghe bạn xấu rủ rê, lôi kéo nên vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân Thái Bình xử phạt 12 năm 06 tháng tù giam. Hiện tại, anh Đ đang chấp hành án phạt tù tại Đội 21, phân trại 3, trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Từ khi anh Đ đi thi hành án đến nay, chị đã nhiều lần đi thăm nuôi anh Đ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về việc anh Đ khai chị có quan hệ ngoại tình với người khác là không đúng.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Văn Thị L, sinh năm 1995 và Văn Tuyên T1, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và có việc làm nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Văn Tuyên Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của anh và chị Trần Thị N theo như chị N đã khai là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống anh có bị mắc nghiện ma túy làm ảnh hưởng đến vợ, con. Ngày 15 tháng 01 năm 2015, anh có vi phạm pháp luật bị Công an tỉnh Thái Bình bắt giam và bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 12 năm 06 tháng tù giam về tội: “Trộm cắp tài sản”. Hiện tại, anh đang chấp hành án phạt tù tại đội 21, phân trại 3, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Từ khi anh đi chấp hành án đến nay, thỉnh thoảng chị N có đến trại giam thăm nuôi anh. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay, chị N không đến thăm nuôi anh nữa. Trước đây, khi vợ chồng còn chung sống cùng nhau, chị N đã một lần có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh đã tha thứ cho chị N. Quá trình anh đi chấp hành án, chị N lại có quan hệ ngoại tình, nên chị N không thăm nuôi anh nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị N có hai con chung theo như chị N đã khai là đúng. Các con chung đều đã trưởng và có việc làm. Do chị N vi phạm đạo đức của người vợ, người mẹ, có quan hệ ngoại tình với người khác khi chưa ly hôn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N không được thăm nom, gặp gỡ các con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Văn Tuyên Đ. Về con chung: Các con chung Văn Thị L, sinh năm 1995 và Văn Tuyên T1, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không giải quyết; không giải quyết về vấn đề tài sản. Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Văn Tuyên Đ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Văn Tuyên Đ có đăng ký thường trú tại thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20 tháng 8 năm 2001, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh Đ bị nghiện ma túy, kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mặt khác, anh Đ vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù thời gian dài 12 năm 06 tháng, nên tình cảm vợ chồng xa cách. Xét quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Văn Tuyên Đ.

[5] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ có hai con chung là Văn Thị L, sinh năm 1995 và Văn Tuyên T1, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành, việc thăm nom, gặp gỡ giữa cha, mẹ và con do các con tự quyết định. Nên Tòa án không giải quyết đối với yêu cầu của anh Đ về việc đề nghị Tòa án buộc chị N không được thăm nom, gặp gỡ con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Văn Tuyên Đ.
2. Về con chung: Các con chung Văn Thị L, sinh năm 1995 và Văn Tuyên T1, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có việc làm nên Tòa án không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Văn Tuyên Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 3959 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đ1 (ĐKKH ngày 20 tháng 8 năm 2001);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

